TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày: 29-6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Cường

2/ Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C (Điểm cầu trung tâm) và trụ sở Công an huyện C, tỉnh Long An (Điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Lương H, tên gọi khác: Không, sinh năm 1971 tại Tiền Giang. ĐKTT: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Lương L và bà Võ Thị V (chết); bản thân có vợ tên Lê Thị Bích H (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 1997; Tiền án: Ngày 07/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 31/8/2015. Ngày 17/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 04/12/2017, chưa xóa án tích. Ngày 22/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 13/4/2022, chưa xóa án tích, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/5/1991, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam giữ"; Ngày 23/5/1992, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Ngày 08/3/2007, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 07/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt tạm giữ ngày 27/3/2023, tạm giam từ ngày 30/3/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Hà Thanh S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Lương Hoàng N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Lê Tấn L, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/3/2023, Lê Lương H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen cam, biển số 63B7-122.50, đi từ nhà ở ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang đến thành phố H chơi. Khi đi đến xã L, huyện C, tỉnh Long An thì H không đi nữa do cảm thấy mệt trong người mà điều khiển xe quay trở về Tiền Giang. Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, H chạy xe ngang cửa hàng điện gia dụng N của anh Hà Thanh S ở ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An, thấy cửa mở nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H quay đầu xe đậu trước cửa hàng, rồi đi vào mở hộc bàn bên trong cửa hàng lấy trộm số tiền 4.355.000 đồng (bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Sau đó, H đi ra ngoài lên xe định tẩu thoát thì bị anh S phát hiện, đuổi theo bắt giữ H cùng tang vật và giao cho Công an xã L.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 06/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lê Lương H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị mất trộm đã trả lại cho chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Lương H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Lê Lương H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Hà Thanh S đã nhận lại số tiền 4.355.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét đến.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 63B7-122.50 là tài sản của anh Lê Lương Hoàng N. Ngày 27/3/2023, bị cáo Lê Lương H sử dụng xe mô tô biển số 63B7-122.50 thực hiện hành vi phạm tội anh Hoàng N không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả xe mô tô 63B7-122.50 cho Lê Lương Hoàng N là phù hợp nên đề nghị không xem xét đến.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ lòng tham và không tiền tiêu xài nên vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 27/3/2023, Lê Lương H đã lén lút đột nhập vào cửa hàng điện gia dụng của anh Hà Thanh S, tại địa chỉ ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An chiếm đoạt số tiền 4.355.000 đồng trong hộc bàn tại cửa hàng của anh S thì bị bắt quả tang. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên đây là tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tiền của bị hại để tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Hơn nữa, bị cáo đã từng bị Tòa án kết án không biết từ bỏ mà còn dấn thân vào con đường phạm tội chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Hà Thanh S đã nhận lại số tiền 4.355.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xét đến.

[8] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 63B7-122.50 là tài sản của anh Lê Lương Hoàng N. Ngày 27/3/2023, bị cáo Lê Lương H sử dụng xe mô tô biển số 63B7-122.50 thực hiện hành vi phạm tội anh Hoàng N không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C đã trả xe mô tô 63B7-122.50 cho Lê Lương Hoàng N là phù hợp theo Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên không xét đến.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Lương H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Lương H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Lương H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-3-2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Lương H trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2023) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Lương H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Diễm